

MỤC LỤC

| | Trang |
|--|-------|
| Chương I: Quy định chung | 1 |
| Điều 1: Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh | 1 |
| Điều 2: Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt | 1 |
| Điều 3: Các nguyên tắc quản trị Công ty | 1 |
| Chương II: Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông | 2 |
| Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của cổ | 2 |
| Điều 5: Đối xử công bằng giữa các cổ đông | 2 |
| Điều 6: Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ | 2 |
| Điều 7: Quyền và cách thức đăng ký họp ĐHĐCĐ | 4 |
| Điều 8: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ | 4 |
| Điều 9: Nghị quyết của ĐHĐCĐ | 4 |
| Điều 10: Thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng | 5 |
| Điều 11: Biên bản họp ĐHĐCĐ | 5 |
| Điều 12: Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ | 5 |
| Điều 13: Báo cáo hoạt động của BKS tại ĐHĐCĐ | 5 |
| Chương III: Thành viên HĐQT và HĐQT | 6 |
| Điều 14: Tư cách thành viên HĐQT | 6 |
| Điều 15: Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên HĐQT | 6 |
| Điều 16: Thành phần và nhiệm kỳ của HĐQT | 6 |
| Điều 17: Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT | 7 |
| Điều 18: Họp HĐQT và Biên bản họp HĐQT | 7 |
| Điều 19: Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao | 7 |
| Chương IV: Ban kiểm soát và thành viên BKS | 7 |
| Điều 20: Tư cách thành viên BKS | 7 |
| Điều 21: Cơ cấu tổ chức, cách thức đề cử, bầu cử thành viên BKS | 7 |
| Điều 22: Thành phần và nhiệm kỳ của BKS | 8 |
| Điều 23: Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên BKS | 8 |
| Điều 24: Trách nhiệm và quyền hạn của BKS | 8 |
| Chương V: Phối hợp hoạt động HĐQT – BKS – Ban Tổng Giám đốc | 8 |
| Điều 25: Thủ tục phối hợp giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc | 8 |
| Điều 26: Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn | 9 |
| Điều 27: Thư ký Công ty | 10 |
| Chương VI: Ngăn ngừa xung đột lợi ích và giao dịch với các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty | 10 |
| Điều 28: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các tv HĐQT, Ban TGD | 10 |
| Điều 29: Giao dịch với người có liên quan | 11 |
| Điều 30: Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Cty | 11 |
| Chương VII: Đào tạo về quản trị Công ty | 11 |
| Điều 31: Đào tạo về quản trị Công ty | 11 |
| Chương VIII: Công bố thông tin và minh bạch | 11 |
| Điều 32: Công bố thông tin thường xuyên | 11 |
| Điều 33: Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty | 12 |
| Điều 34: Công bố thông tin về cổ đông lớn | 12 |
| Điều 35: Tổ chức việc công bố thông tin | 12 |
| Chương IX: Chế độ báo cáo, giám sát và xử lý vi phạm | 12 |
| Điều 36: Báo cáo | 12 |
| Điều 37: Giám sát | 12 |
| Điều 38: Xử lý vi phạm | 12 |
| Chương X: Sửa đổi quy chế và Hiệu lực của Quy chế | 13 |
| Điều 39: Sửa đổi quy chế quản trị Công ty | 13 |
| Điều 40: Ngày hiệu lực | 13 |

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG VIWASEEN - HUẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số QĐ/CT-HĐQT ngày ... tháng ... năm 2009
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VIWASEEN - Huế)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh:

1.1/ Quy chế này được xây dựng theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế quản trị công ty áp dụng cho các công ty niêm yết.

1.2/ Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.

1.3/ Các quy định về Quản trị Công ty được thống nhất trong Quy chế này được ưu tiên áp dụng để điều chỉnh các quan hệ có nội dung liên quan đến quản trị Công ty.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt:

2.1/ Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Công ty” là Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng VIWASEEN - Huế có trụ sở Văn phòng tại Số 5 Lý Thường Kiệt, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

b. “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến công ty.

c. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;

d. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc cổ đông lớn của công ty.

2.2 Chữ viết tắt:

a. “Đại hội đồng cổ đông”: ĐHĐCĐ

b. “Hội đồng quản trị”: HĐQT

c. “Ban kiểm soát”: BKS

d. “Ban Tổng Giám đốc”: BTGD

2.3/ Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị công ty :

3.1/ Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;

- 3.2/ Đảm bảo quyền lợi của cổ đông ;
- 3.3/ Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- 3.4/ Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty;
- 3.5/ Minh bạch trong hoạt động của công ty;
- 3.6/ Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát công ty có hiệu quả.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của cổ đông:

Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông được quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ Công ty phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ mẫu áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam.

Điều 5: Đối xử công bằng giữa các cổ đông:

- 5.1/ Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ công ty quy định;
- 5.2/ Cổ đông được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 5.3/ Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 6: Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên và bất thường:

Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ gồm các nội dung chính sau:

6.1/Triệu tập ĐHĐCĐ

- a. Hàng năm, Công ty tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, hoặc không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính nếu được cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn.
- b. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Điều lệ Công ty.

6.2/ Gửi thông báo họp ĐHĐCĐ:

- a. Thông báo và các tài liệu liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ có thể gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến địa chỉ của Cổ đông hoặc tới địa chỉ mà Cổ đông đó đăng ký nhận thông báo. Nếu Cổ đông đã thông báo với Công ty bằng văn bản về một số fax hoặc địa chỉ thư điện tử mà Cổ đông đó muốn nhận được thông báo, thì thông báo sẽ được gửi tới số fax hoặc thư điện tử đó. Đối với các cổ đông làm việc tại Công ty, thì thông báo có thể được gửi trực tiếp cho mỗi cổ đông tại nơi làm việc của họ.
- b. Thông báo phải được gửi đi ít nhất bảy (7) ngày làm việc trước khi tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

c. Thông báo và các tài liệu liên quan đến cuộc họp ĐHĐCĐ được đăng tải trên trang web của Công ty cùng với thời điểm gửi thông báo tới các cổ đông.

Điều 7: Quyền và cách thức đăng ký họp ĐHĐCĐ

7.1/ Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

7.2/ Công ty có trách nhiệm hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

7.3/ Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, trước khi Đại hội bắt đầu, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt được đăng ký hết.

7.4/ Để đảm bảo cho công tác tổ chức ĐHĐCĐ được chu đáo Cổ đông thực hiện việc đăng ký trực tiếp hoặc ủy quyền tham dự theo hướng dẫn của Ban tổ chức ĐHĐCĐ.

Điều 8: Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ

8.1/ Điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, được quy định tương ứng tại Điều 18 và Điều 19 của Điều lệ Công ty. Khi đăng ký tham gia đại hội, mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông/nhóm cổ đông tham gia biểu quyết, bầu cử được phát các phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử đại diện cho số cổ phần sở hữu.

8.2/ Phiếu biểu quyết và cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ:

Hình thức, nội dung phiếu biểu quyết, cách thức biểu quyết tại ĐHĐCĐ được thể hiện cụ thể tại Quy chế biểu quyết được thông qua trước ĐHĐCĐ theo nguyên tắc đảm bảo quyền biểu quyết của Cổ đông hoặc đại diện cổ đông/nhóm cổ đông tham gia biểu quyết; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm phiếu được khẩn trương chính xác và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật.

8.3/ Phiếu bầu cử và cách thức bầu cử tại ĐHĐCĐ:

Hình thức, nội dung phiếu bầu cử, cách thức bầu cử tại ĐHĐCĐ được thể hiện cụ thể tại Quy chế bầu cử được thông qua trước ĐHĐCĐ theo nguyên tắc đảm bảo quyền bầu cử của Cổ đông hoặc đại diện cổ đông/nhóm cổ đông tham gia bầu cử; tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kiểm phiếu được khẩn trương chính xác và phù hợp với quy định hiện hành của Pháp luật.

8.4/ Nguyên tắc bầu thành viên HĐQT, BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu cử tương ứng với với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

8.5/ Chủ tọa đại hội sẽ đề cử thành phần Ban kiểm phiếu và thông qua trước đại hội. Số thành viên Ban kiểm phiếu không quá 3 người.

8.6/ Kết quả kiểm phiếu được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 9: Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ :

Các quyết định được ĐHĐCĐ thông qua theo trình tự thủ tục và hình thức luật định được gọi là Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Nghị quyết ĐHĐCĐ có thể được thông qua theo hai hình thức: biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

9.1/ Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: Là việc biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp bằng Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử theo Quy chế biểu quyết và Quy chế bầu cử của Công ty được thông qua trước ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của pháp luật.

9.2/ Thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Trong trường hợp phê duyệt thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

9.3/ Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

9.4/ Điều kiện thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ được quy định chi tiết tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

9.5/ Nghị quyết của ĐHĐCĐ là căn cứ pháp lý thể hiện quan điểm, ý chí của cổ đông đối với các vấn đề liên quan đến tổ chức, hoạt động của Công ty thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

9.6/ Nghị quyết của ĐHĐCĐ cùng các tài liệu liên quan đến việc thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ phải được lưu giữ tại Trụ sở Công ty và được cung cấp đầy đủ cho cổ đông và các đối tượng có liên quan khi có yêu cầu hợp lệ.

Điều 10: Thông báo nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng

10.1/ Việc thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng tuân thủ các quy định về công bố thông tin.

10.2/ Việc Nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu có liên quan được đăng tải tại trang Web của Công ty và/hoặc trang thông tin điện tử của Cơ quan quản lý Nhà nước đồng nghĩa với việc Công ty đã thực hiện nghĩa vụ thông báo Nghị quyết ĐHĐCĐ tới cổ đông Công ty.

Điều 11: Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

11.1/ Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

11.2/ Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp và thông báo tới các cổ đông (Bằng cách đăng đầy đủ tại Trang Web của Công ty) trong vòng 15 ngày khi ĐHĐCĐ kết thúc và biên bản này sẽ được xem là minh chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có sự phản đối được đưa ra một cách hợp lệ đối với nội dung của biên bản họp trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày được đăng tải.

11.3/ Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 12: Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại ĐHĐCĐ

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của HĐQT;
- Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý;
- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 13: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại ĐHĐCĐ

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình ĐHĐCĐ gồm các nội dung sau:

- Hoạt động của Ban kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc, và các cán bộ quản lý;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, và cổ đông.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HĐQT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 14: Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

14.1/ Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà pháp luật và Điều lệ công ty không cấm làm thành viên Hội đồng quản trị.

14.2/ Thành viên Hội đồng quản trị một công ty niêm yết không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (05) công ty khác.

14.3/ Chủ tịch Hội đồng quản trị được kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Điều 15: Ứng cử, đề cử, bầu cử thành viên Hội đồng quản trị

15.1/ Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Các thông tin cá nhân của các ứng viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo trung thực, chính xác và hợp lý.

15.2/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

15.3/ Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

15.4/ Trình tự thủ tục, cách thức bầu cử HĐQT được Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông tại Quy chế bầu cử thông qua trước ĐHCĐ.

Điều 16: Thành phần và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

16.1/ Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người, trong đó ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập không điều hành.

16.2/ Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

16.3/ Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và khoản 4 Điều 24 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Điều lệ Công ty.

16.4/ Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 17: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT

17.1/ Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và Công ty.

17.2/ Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT. Thành viên HĐQT được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

17.3/ Các thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện mua/bán cổ phần của Công ty phải báo cáo và thực hiện công bố thông tin theo quy định.

17.4/ Quyền hạn và nghĩa vụ cụ thể của HĐQT được quy định cụ thể tại Điều 25 Điều lệ Công ty.

Điều 18: Hợp HĐQT và biên bản họp HĐQT

18.1/ Các quy định về triệu tập cuộc họp HĐQT, điều kiện hiệu lực, cách thức tiến hành, cách thức biểu quyết và tại cuộc họp HĐQT, Biên bản họp HĐQT được quy định cụ thể tại Điều 27 Điều lệ Công ty.

18.2/ Trường hợp tất cả các thành viên HĐQT đều dự họp và nhất trí 100% với Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp thì mọi Quyết nghị tại cuộc họp HĐQT đều được coi là hợp lệ cả trong trường hợp thủ tục thông báo họp không được thực hiện đầy đủ theo quy định.

18.3/ Biên bản cuộc họp được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 19: Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao

19.1/ Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao của Công ty bao gồm các chức danh: Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo Quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý phù hợp với Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

19.2/ Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là ba (3) năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 20: Tư cách thành viên Ban kiểm soát

20.1/ Thành viên Ban kiểm soát không là những người mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.

20.2/ Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính và không phải là Giám đốc tài chính của công ty.

Điều 21: Cơ cấu tổ chức, cách thức đề cử, bầu cử thành viên Ban kiểm soát

21.1/ Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm. Cơ cấu tổ chức, cách thức đề cử thành viên Ban kiểm soát được quy định cụ thể tại khoản 1, khoản 2 Điều 35 Điều lệ Công ty.

21.2/ Trình tự thủ tục, cách thức bầu cử Ban kiểm soát được Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông tại Quy chế bầu cử thông qua trước ĐHĐCĐ.

Điều 22: Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát

22.1/ Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là năm (05) người.

22.2/ Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá năm (05) năm; Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 23: Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát

23.1/ Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

23.2/ Thành viên Ban Kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24: Trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát

24.1/ Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên Hội đồng quản trị, hoạt động của thành viên Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông, và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công ty và cổ đông.

24.2/ Quyền hạn và trách nhiệm cụ thể của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Điều lệ Công ty.

24.3/ Ban kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi mà họ cho là vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý.

24.4/ Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG V

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT - BAN KIỂM SOÁT - BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 25: Thủ tục phối hợp giữa HĐQT, BKS và BTGD

25.1/ Hội đồng quản trị

a. Chương trình, nội dung và dự kiến các vấn đề quyết nghị tại các cuộc họp của HĐQT đều được công khai đối với Ban Tổng giám đốc và BKS.

b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi có yêu cầu bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần xin ý kiến của:

- Tổng giám đốc hoặc ít nhất 5 cán bộ quản lý
- Hai thành viên HĐQT
- Đa số thành viên Ban kiểm soát

25.2/ Hoạt động giám sát của BKS

a. BKS chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. BKS có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính của Công ty, tính hợp pháp trong các hành động của thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, sự phối hợp giữa HĐQT với BKS, BTGD và cổ đông, các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, của Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp/cao nhất của Công ty và các cổ đông.

b. HĐQT, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý có trách nhiệm cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của BKS để Ban kiểm soát thực hiện chức năng nhiệm vụ được phân giao.

c. Mọi đề xuất, hành động trong phạm vi quyền hạn của Ban kiểm soát phải được HĐQT và Ban Tổng giám đốc đảm bảo thực hiện.

d. BKS có thể báo cáo trực tiếp lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện các hành vi được cho là vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, Ban Tổng giám đốc hoặc các cán bộ quản lý.

e. BKS có nghĩa vụ bảo mật tuyệt đối các thông tin thu được trong quá trình giám sát hoạt động Công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của ĐHCĐ.

25.3/ Ban Tổng giám đốc

Báo cáo HĐQT và BKS về việc thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT; báo cáo Thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh và điều hành Công ty và các báo cáo khác theo yêu cầu cụ thể của HĐQT hoặc BKS.

25.4/ Trong trường hợp cần thiết Công ty sẽ xây dựng quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá.
- Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật
- Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng và kỷ luật.
- Tổ chức thực hiện.

Điều 26: Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn

26.1/ Hội đồng quản trị của công ty có cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.

26.2/ Cổ đông lớn có nghĩa vụ thực hiện trách nhiệm báo cáo Công ty khi thực hiện nghĩa vụ Công bố thông tin có liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán.

26.3/ Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của công ty và của các cổ đông khác.

Điều 27: Thư ký công ty

27.1/ Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất một người làm thư ký công ty. Thư ký công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán công ty.

27.2/ Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:

- Tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Làm biên bản các cuộc họp;
- Đảm bảo các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát khi được yêu cầu;

27.3/ Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 28: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc

28.1/ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

28.2/ Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị những hợp đồng giữa công ty với chính thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

28.3/ Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

28.4/ Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trong trường hợp lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính cùng kỳ và công bố trong Báo cáo thường niên.

28.5/ Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được

phép công bố của công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

Điều 29: Giao dịch với người có liên quan

29.1/ Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

29.2/ Trong trường hợp cần thiết Công ty có thể áp dụng các biện pháp được pháp luật cho phép để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.

29.3/ Trong trường hợp cần thiết Công ty có thể áp dụng các biện pháp được pháp luật cho phép để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty. Công ty cam kết không cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 30: Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty

30.1/ Công ty tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến công ty.

30.2/ Công ty hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến công ty thông qua việc:

30.a/ Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

30.b/ Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

30.c/ Công ty quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng, và trách nhiệm xã hội của công ty.

CHƯƠNG VII

ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 31: Đào tạo về quản trị công ty

Công ty tạo điều kiện để Thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cá nhân khác tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị công ty theo hướng dẫn của Cơ quan quản lý Nhà nước.

CHƯƠNG VIII

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 32: Công bố thông tin thường xuyên

32.1/ Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty

cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngoài ra, công ty phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

32.2/ Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 33: Công bố thông tin về tình hình quản trị công ty

33.1/ Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật có liên quan.

33.2/ Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 34: Công bố thông tin về các cổ đông lớn

34.1/ Công ty có trách nhiệm tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng cổ đông lớn theo quy định của pháp luật Chứng khoán.

34.2/ Công ty niêm yết có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán.

Điều 35: Tổ chức việc công bố thông tin

35.1/ Việc công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo Quy định của Pháp luật có liên quan về công bố thông tin.

35.2/ Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin của Công ty là Người được Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán theo quy định.

CHƯƠNG IX

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 36: Báo cáo

Định kỳ hàng năm, công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện quản trị công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 37: Giám sát

Công ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các cổ đông công ty phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38: Xử lý vi phạm

38.1/ Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại quy chế này mà không công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại Quy chế này sẽ bị

xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

38.2/ Các trường hợp vi phạm khác, căn cứ theo nội quy lao động và các quy định nội bộ về chế độ khen thưởng và xử phạt của Công ty để xử lý. Việc xử lý vi phạm phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ công ty và các quy định nội bộ khác.

CHƯƠNG X

SỬA ĐỔI QUY CHẾ VÀ HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ

Điều 39: Sửa đổi Quy chế quản trị công ty

39.1/ Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này và nội dung sửa đổi bổ sung do Hội đồng quản trị quyết định. Các nội dung sửa đổi, bổ sung phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

39.2/ Trong trường hợp có những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong những trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó của Pháp luật đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh .

Điều 40: Ngày hiệu lực

40.1/ Quy chế này gồm X chương, 40 điều được Hội đồng quản trị công ty cổ phần Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng VIWASEEN - Huế nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2009 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này để Ban hành áp dụng trong toàn Công ty.

40.2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

40.3/.Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị./.